

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đặng Minh A, sinh năm 1997. Nơi cư trú, số nhà 127, ngõ 350, đường H, khu K, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Á, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn K2, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Đặng Minh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Trọng Á như vợ chồng từ đầu năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm đến giữa tháng 11 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do anh Á không chung thủy, từ đó hai người xúc phạm nhau, anh Á đánh chửi chị nhiều lần nên chị phải nhờ gia đình chị đến đón mẹ con chị về nhưng anh Á không đồng ý dẫn đến hai bên gia đình xô sát. Vì vậy chị phải về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 18/11/2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh Á.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/8/2017, khi chị về mẹ đẻ ở, anh Á không cho chị mang con về, vì vậy hiện nay cháu T đang do anh Á nuôi dưỡng; nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Trọng Á vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 03/5/2019 trình bày thống nhất với chị A về thời gian, điều kiện chung sống, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị không xảy ra mâu thuẫn và đã sinh được một con trai, tuy nhiên cuối tháng 11 năm 2018 chị A đưa người về mang con đi, dẫn đến hai bên gia đình xảy ra xô sát, chị A về nhà mẹ đẻ ở, hai người sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Nay chị A xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/8/2017, đang do anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Vì anh có điều kiện nuôi dưỡng con hơn chị A.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu như trên. Ngoài ra chị trình bày: Trước khi chị chung sống với anh Á, chị đã trúng tuyển vào Trường Đại học N Hà Nội, đang trong thời gian học tập tại Trường, chị đã mang thai; khi sinh con, chị đề nghị Trường được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, sau đó chị hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, địa chỉ: Số 70 đường M, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, chức danh chuyên môn là nhân viên văn phòng, mức lương cơ bản từ 7.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng/1tháng, thời gian gần đây chị còn làm việc phụ giúp mẹ đẻ là bà Đặng Thị H, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn, hàng tháng bà H trả lương cho chị từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để thêm thu nhập. Vì vậy chị đã làm đơn đề nghị Trường Đại học N Hà Nội cho chị được thôi học. Trường Đại học N Hà Nội

đã Quyết định đồng ý cho chị được thôi học. Nay chị tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly anh Á và giao con cho chị nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa; Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Đặng Minh A và anh Nguyễn Trọng Á là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/8/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh Á có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở; chị A không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sự vắng mặt của bị đơn là anh Á tại phiên tòa; sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ lần thứ nhất; bị đơn vắng mặt, không có lý do, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa ngày 11/7/2019 và mở lại vào ngày 26/7/2019, nhưng nguyên đơn,

bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian phiên tòa mở lại vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 12/8/2019 (ngày hôm nay), nhưng anh Á vẫn vắng mặt, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Á.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã H, chính quyền phường S cung cấp thì chị Nguyễn Đặng Minh A và anh Nguyễn Trọng Á tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị A xin ly hôn anh Á; căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; mục 3 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng; cần tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Đặng Minh A và anh Nguyễn Trọng Á là vợ chồng như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/8/2017, đang do anh Á nuôi dưỡng; nếu ly hôn, chị A và anh Á đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị A và anh Á; Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự cũng như tài liệu trong hồ sơ vụ án thì chị A đã thôi học tại Trường Đại học N Hà Nội, có việc làm, thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định; anh Á thu nhập mỗi tháng 30.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định. Như vậy cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung; tuy nhiên cả hai anh chị không thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, trong khi cháu T mới được 24 tháng tuổi (dưới 36 tháng tuổi). Do đó cần giao cháu T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; không chấp nhận nguyện vọng của anh Á được nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Đặng Minh A và anh Nguyễn Trọng Á là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/8/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị A không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012213 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị A đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Á có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Diệu